

**Tại đơn khởi kiện ngày 29/4/2022 và biên bản ghi lời khai ngày 16/6/2022 bà Nguyễn Thu Đ trình bày:*

Bà Đ và ông T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 20/8/2007. Thời gian chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, gia đình có hòa giải để hàn gắn nhưng ông T không sửa đổi tính tình, vợ chồng sống chung không hạnh phúc nên ly thân từ tháng 12/2021 đến nay. Vì vậy, bà Đ yêu cầu ly hôn với ông T.

Thời gian chung sống ông bà có 01 con chung tên Trần Quốc S, sinh ngày 01/6/2001. Hiện nay con chung do bà Đ nuôi dạy nhưng do con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung không có nên bà không yêu cầu giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Bà Đ và ông T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Do ông bà chung sống không còn hạnh phúc, không có thiện chí đoàn tụ gia đình nên cần xử lý cho ông bà được ly hôn; con chung đã trưởng thành, tài sản chung và nợ chung không có nên không đề nghị xem xét. Bà Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thu Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn T. Do ông bà chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông T có địa chỉ tại ấp HT, xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bà Đ có yêu cầu xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Đ và ông T tự nguyện chung sống với nhau năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 20/8/2007. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông bà đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Xét thấy, thời gian chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 12/2021 đến nay mà không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tổ chức hòa giải để ông bà có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do ông T vắng mặt tại buổi hòa giải, xét xử không có lý do. Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/6/2022 bà Đ bảo lưu yêu cầu ly hôn với ông T. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho bà Nguyễn Thu Đ và ông Trần Văn T được ly hôn.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống ông bà có một người con chung tên Trần Quốc S, sinh ngày 01/6/2001 đã trưởng thành nên bà Đ không yêu cầu giải quyết là có cơ sở. Vì vậy, Hội đồng không xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ xác định thời gian chung sống, ông bà không có tài sản chung và nợ chung nên không có yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng không xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thu Đ phải chịu án phí – Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thu Đ và ông Trần Văn T được ly hôn.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thu Đ phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 19 tháng 5 năm 2022 bà Đ có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0014970 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

3. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã BBĐ;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kiều Trang